

ĐỀ CƯƠNG ÔN KIỂM TRA GIỮA HKII – 2022 -2023

Câu 1 Thế mạnh của nguồn lao động nước ta là

- A. ý thức trách nhiệm rất cao.
- B. nhiều công nhân kỹ thuật lành nghề.
- C. chất lượng lao động ngày càng tăng.
- D. lao động có trình độ trên đại học chiếm tỉ lệ lớn.

Câu 2. Lao động nước ta giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực

- A. nông – lâm – ngư nghiệp.
- B. du lịch.
- C. công nghiệp – xây dựng.
- D. thương mại.

Câu 3. Tỉ lệ thất nghiệp của lao động nước ta chủ yếu ở khu vực

- A. miền núi.
- B. đồng bằng.
- C. thành thị.
- D. nông thôn.

Câu 4. Tỉ lệ thiếu việc làm của lao động nước ta chủ yếu ở khu vực

- A. miền núi.
- B. đồng bằng.
- C. thành thị.
- D. nông thôn.

Câu 5. Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế của nước ta có sự thay đổi theo hướng

- A. tăng tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp, giảm tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
- B. giảm tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp, tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ít thay đổi.
- C. giảm tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
- D. tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp ít thay đổi.

Câu 6. Vấn đề việc làm của nước ta vẫn còn gay gắt, biểu hiện ở

- A. tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm cao.
- B. công nhân kỹ thuật lành nghề ngày càng tăng.
- C. phát triển mạnh các ngành công nghiệp ở đô thị.
- D. phát triển nhiều ngành nghề truyền thống ở nông thôn.

Câu 7. Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn của nước ta có sự thay đổi theo hướng

- A. giảm tỉ trọng lao động thành thị.
- B. tăng tỉ trọng lao động nông thôn.
- C. giảm tỉ trọng lao động nông thôn.
- D. lao động thành thị ít biến động.

Câu 8. Lao động nước ta tập trung chủ yếu ở ngành

- A. công nghiệp – xây dựng.
- B. nông - lâm – ngư.
- C. thương mại.
- D. du lịch.

Câu 9. Sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta hiện nay phù hợp với

- A. xu hướng hội nhập quốc tế.
- B. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. quá trình đô thị hóa.
- D. xu hướng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

Câu 10. Ở nước ta, tỉ trọng lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh phù hợp với

- A. xu hướng mở cửa, hội nhập quốc tế.
- B. quá trình đô thị hóa.
- C. lao động dồi dào, trình độ cao.
- D. phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống.

Câu 11. Ở nước ta, sự thay đổi cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn phù hợp với

- A. quá trình đô thị hóa
- B. năng suất lao động cao
- C. lao động qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn
- D. phát triển nhiều ngành nghề truyền thống ở nông thôn

Câu 12. Tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn nước ta cao là do

- A. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.
- B. các ngành phi nông nghiệp kém phát triển.
- C. có nhiều làng nghề thủ công truyền thống.
- D. xuất khẩu lao động.

Câu 13. Giải pháp nào **không** đúng khi giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn?

- A. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
- B. Đa dạng hóa các ngành nghề.
- C. Đẩy mạnh chính sách phát triển dân số.
- D. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo

Câu 14. Nguyên nhân nào **không** góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.
- B. mỗi năm được bổ sung hơn 1 triệu lao động.
- C. những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.
- D. xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.

Câu 15. Đặc điểm nào **không** đúng khi nói về lao động nước ta?

- A. Cần cù, sáng tạo, nhiều kinh nghiệm.
- B. Công nhân kỹ thuật lành nghề ngày càng nhiều.
- C. Lao động dồi dào, mỗi năm bổ sung hơn 1 triệu lao động.
- D. Năng suất lao động cao so với các nước trong khu vực.

Câu 16. Hạn chế trong việc đào tạo nguồn lao động của nước ta hiện nay là

- A. thiếu kĩ sư.
- B. thừa công nhân lành nghề.
- C. thiếu lao động có kĩ thuật cao.
- D. sử dụng triệt để lao động đã qua đào tạo.

Câu 17. Quá trình đô thị hóa ở nước ta chững lại ở giai đoạn

- A. 1945 – 1954.
- B. 1954 – 1975.
- C. 1965 – 1972.
- D. 1975 – 1986.

Câu 18. Quá trình đô thị hóa nước ta có chuyển biến khá tích cực trong thời kỳ

- A. Pháp thuộc.
- B. 1945 – 1954.
- C. 1954 – 1975.
- D. 1975 đến nay.

Câu 19. Quá trình đô thị hóa nước ta giai đoạn 1945 – 1954 có đặc điểm là

- A. chuyển biến khá tích cực.
- B. phát triển theo hai xu hướng khác nhau ở miền Bắc và miền Nam.
- C. diễn ra chậm, không có thay đổi nhiều.
- D. chững lại, không có thay đổi nhiều.

Câu 20. Căn cứ vào cấp quản lí, nước ta có các đô thị trực thuộc trung ương là

- A. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Dương, Hà Nội.
- B. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội.
- C. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Hà Nội.
- D. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Hà Nội.

Câu 21. Đô thị đầu tiên ở nước ta là

- A. Cổ Loa.
- B. Phú Xuân.
- C. Hội An.
- D. Phố Hiến.

Câu 22. Các đô thị thời Pháp thuộc có chức năng chủ yếu là

- A. công nghiệp, thương mại.
- B. thương mại, du lịch.
- C. hành chính, thương mại.
- D. hành chính, quân sự.

Câu 23. Thành phố nào sau đây **không** phải là thành phố trực thuộc trung ương?

- A. Huế.
- B. Hải Phòng.
- C. Đà Nẵng.
- D. Cần Thơ.

Câu 24. Thành phố nào sau đây **không** phải là thành phố trực thuộc tỉnh?

- A. Tân An.
- B. Rạch Giá.
- C. Cần Thơ.
- D. Châu Đốc.

Câu 25. Trong giai đoạn 1965 – 1972 quá trình đô thị hoá miền Bắc bị chững lại do

- A. khủng hoảng kinh tế thế giới.
- B. chiến tranh phá hoại.
- C. đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn.
- D. đô thị hóa gắn liền với quá trình công nghiệp hóa.

Câu 26. Đặc điểm quan trọng nhất của quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay là

- A. diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp.
- B. tỉ lệ dân thành thị tăng.
- C. phân bố đô thị không đều giữa các vùng.
- D. tỉ lệ dân thành thị phân bố không đều.

Câu 27. Tác động mạnh của quá trình đô thị hoá đến phát triển kinh tế của nước ta là

- A. tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
- B. tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật.
- C. tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

Câu 28. Tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa là

- A. mức sống dân thành thị ngày càng giảm.
- B. tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt.
- C. tình trạng đói nghèo ngày càng tăng.
- D. môi trường bị ô nhiễm, mất an ninh trật tự.

Câu 29. Đặc điểm **không** đúng với đô thị hóa ở nước ta hiện nay là

- A. diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp.
- B. tỉ lệ dân thành thị tăng.
- C. phân bố đô thị không đều giữa các vùng.
- D. dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn.

Câu 30. Đặc điểm nào **không** được xét làm tiêu chí để phân loại đô thị nước ta?

- A. Số dân của đô thị.
- B. Chức năng của đô thị.
- C. Tốc độ gia tăng dân số của đô thị.
- D. Tỉ lệ dân số hoạt động phi nông nghiệp.

Câu 31. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với quá trình đô thị hóa?

- A. Lối sống thành thị được phổ biến rộng rãi.
- B. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn.
- C. Số dân thành thị ngày càng tăng.
- D. Hoạt động của dân cư gắn với nông nghiệp.

Câu 32. Nhận định nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng tích cực của quá trình đô thị hóa?

- A. tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
- B. tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật.
- C. tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. thúc đẩy nông – lâm – ngư nghiệp phát triển.

Câu 33. Ảnh hưởng nào sau đây của quá trình đô thị hóa tác động mạnh đến khả năng đầu tư phát triển kinh tế của nước ta?

- A. quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh ở cả 2 miền Bắc, Nam.
- B. quá trình đô thị hóa gắn liền với trình công nghiệp hóa.

- C. số dân thành thị tăng, nông thôn giảm.
D. phân bố đô thị không đồng đều giữa các vùng.

Câu 34: Dựa vào atlas VN trang 15, Hiện nay ở nước ta, khu vực có mức thu nhập cao nhất

- A. Đồng bằng sông Hồng
B. Duyên hải miền Trung
C. Đồng bằng sông Cửu Long
D. Đông Nam Bộ

Câu 35: Dựa vào atlas VN trang 15, Hiện nay ở nước ta, khu vực có mức thu nhập thấp nhất

- A. Đồng bằng sông Hồng
B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Tây Nguyên
D. Bắc Trung Bộ

Câu 36: Dựa vào atlas VN trang 15 và 17, Trong các khu vực kinh tế thì vùng nào có sự chênh lệch lớn về thu nhập

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
B. Duyên hải miền Trung
C. Đông Nam Bộ
D. Đồng bằng sông Hồng

Câu 37: Tỷ lệ người biết chữ ở nước ta (từ 15 tuổi trở lên) hiện nay cao nhất thuộc vùng

- A. Đồng bằng sông Hồng
B. Đông Nam Bộ
C. Đồng bằng sông Cửu Long
D. Duyên hải miền Trung

Câu 38. Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta là

- A. Bắc Trung Bộ.
B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng.
D. Đồng bằng SC Long.

Câu 39. Cây công nghiệp nào sau đây **không** thích hợp trồng ở vùng Tây Nguyên?

- A. cây cao su.
B. cây cà phê.
C. cây hồ tiêu.
D. cây dừa.

Câu 40. Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A. cây công nghiệp.
B. cây lương thực.
C. cây rau đậu.
D. cây ăn quả.

Câu 41. Vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất nước ta là

- A. Đông Nam Bộ.
B. Trung du miền núi Bắc Bộ.
C. Tây Nguyên.
D. Bắc Trung Bộ.

Câu 42. Cây ăn quả được trồng nhiều ở

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 43. Cây công nghiệp chủ yếu của nước ta có nguồn gốc

- A. cận xích đạo.
B. nhiệt đới.
C. cận nhiệt đới.
D. ôn đới.

Câu 44. Khó khăn lớn nhất trong việc phát triển cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

- A. trình độ lao động chưa đáp ứng yêu cầu.
B. công nghiệp chế biến còn nhiều hạn chế.
C. khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư thấp.
D. thị trường tiêu thụ có nhiều biến động.

Câu 45. Vùng nào sau đây có số lượng trâu nhiều nhất ở nước ta?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Tây Nguyên.
D. Đông Nam Bộ.

Câu 46. Sản xuất lương thực ở nước ta phát triển **không** phải là do

- A. đất trồng thích hợp.
B. khí hậu đa dạng.
C. nguồn nước dồi dào.
D. địa hình đa dạng.

Câu 47. Loại cây nào sau đây mang lại giá trị xuất khẩu lớn nhất nước ta?

- A. cây ăn quả.
B. cây lương thực.
C. cây rau đậu.
D. cây công nghiệp.

Câu 48. Năng suất lúa nước ta tăng mạnh nhờ áp dụng rộng rãi biện pháp

- A. quảng canh.
B. xen canh.
C. thâm canh.
D. đa canh.

Câu 49. Điều kiện nào sau đây **không** thuận lợi cho sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta?

- A. Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.
B. Đất phù sa màu mỡ.
C. Cơ sở chế biến phát triển.
D. Lao động có kinh nghiệm.

Câu 50. Cây chè **không** được trồng rộng rãi ở Đông Nam Bộ là vì

- A. đất phù sa cổ chiếm diện tích.
B. khí hậu có tính chất cận xích đạo.
C. nguồn lao động dồi dào.
D. cơ sở chế biến rộng khắp.

Câu 51. Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

- A. thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.
B. lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.
C. dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.
D. nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

Câu 52. Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả ở nước ta góp phần

- A. phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới.
- B. cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi.
- C. đảm bảo nhu cầu lương thực cho người dân.
- D. tạo nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến lương thực.

Câu 53. Phát biểu nào sau đây **không** phải xu hướng trong phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta?

- A. Chăn nuôi nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.
- B. Chăn nuôi theo hình thức trang trại phổ biến.
- C. Các sản phẩm chăn nuôi để tiêu dùng tại chỗ.
- D. Tăng tỉ trọng của các sản phẩm không qua giết thịt.

Câu 54. Thuận lợi về tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là

- A. nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch.
- B. nhiều ngư trường trọng điểm.
- C. nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
- D. nhiều hải đảo có rạn san hô.

Câu 55. Nước ta có những thuận lợi về tự nhiên để nuôi trồng thủy sản nước ngọt là

- A. nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch.
- B. nhiều ngư trường trọng điểm.
- C. nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
- D. nhiều hải đảo có rạn san hô.

Câu 56. Nghề nuôi cá nước ngọt phát triển nhất trên

- A. sông Cửu Long.
- B. sông Đà Rằng.
- C. sông Hồng.
- D. sông Thái Bình.

Câu 57. Các tỉnh dẫn đầu sản lượng đánh bắt thủy sản ở nước ta là

- A. Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình.
- B. Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa.
- C. Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- D. Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa.

Câu 58. Vùng nuôi tôm lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 59. Ý nghĩa sinh thái của rừng là

- A. nguồn sống của đồng bào dân tộc ít người.
- B. điều hòa khí hậu, bảo vệ động thực vật.
- C. bảo vệ hồ thủy điện và thủy lợi.
- D. cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp.

Câu 60. Khó khăn nào sau đây là chủ yếu đối với nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay?

- A. Dịch bệnh thường xuyên xảy ra trên diện rộng.
- B. Nguồn giống tự nhiên ở một số vùng khan hiếm.
- C. Diện tích mặt nước ngày càng bị thu hẹp nhiều.
- D. Nhiều nơi xâm nhập mặn diễn ra rất nghiêm trọng.

Câu 61. Tỉnh nào sau đây nổi tiếng với nghề nuôi cá tra, cá ba sa ở nước ta?

- A. Kiên Giang.
- B. An Giang.
- C. Hậu Giang.
- D. Cà Mau.

Câu 62. Ý nào sau đây đúng khi nói về vai trò an ninh quốc phòng của nghề cá?

- A. Giữ vững chủ quyền vùng biển và hải đảo.
- B. Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên.
- C. Thúc đẩy phát triển ngành thủy sản.
- D. Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp.

Câu 63. Ngư trường nào **không** phải là ngư trường trọng điểm của nước ta?

- A. Cà Mau – Kiên Giang.
- B. Phú Yên – Khánh Hòa.
- C. Hải Phòng – Quảng Ninh.
- D. Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 64. Điều kiện tự nhiên nào sau đây gây khó khăn cho việc phát triển ngành thủy sản nước ta?

- A. Nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.
- B. Nhiều vũng vịnh, đầm phá, bãi triều.
- C. Vùng biển rộng, đường bờ biển dài.
- D. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.

Câu 65. Nước ta đẩy mạnh đánh bắt hải sản xa bờ do

- A. nguồn lợi thủy sản ven bờ ngày càng suy giảm.
- B. ngư dân có nhiều kinh nghiệm đánh bắt xa bờ.
- C. ngành nuôi trồng thủy sản chưa phát triển.
- D. vùng ven biển môi trường bị ô nhiễm.

Câu 66. Ngành nuôi trồng ngày càng chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu ngành thủy sản **không** phải là do

- A. hạn chế suy giảm nguồn lợi thủy sản.
- B. nhu cầu thị trường ngày càng tăng.
- C. cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp.
- D. nguồn lao động dồi dào.

Câu 67. Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi cá lớn nhất nước ta **không** phải là do

- A. diện tích mặt nước tự nhiên lớn.
- B. khí hậu có tính chất cận xích đạo.
- C. dân cư có kinh nghiệm.
- D. cơ sở chế biến đảm bảo.

Câu 68. Điều kiện nào sau đây **không** thuận lợi để phát triển ngành thủy sản của nước ta?

- A. Dịch vụ thủy sản, chế biến thủy sản ngày càng mở rộng.
- B. Nhân dân có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt và nuôi trồng.
- C. Nhu cầu thị trường các mặt hàng thủy sản ngày càng tăng.
- D. Phương tiện đánh bắt, hệ thống cảng cá chậm đổi mới.

Câu 69. Ngành công nghiệp nào phát triển dựa vào nguyên liệu lâm sản?

- A. Công nghiệp dệt may.
- B. Công nghiệp hóa chất.
- C. Công nghiệp bột giấy và giấy.
- D. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 70. Theo cách phân loại hiện hành, cơ cấu ngành công nghiệp theo ngành ở nước ta có

- A. 2 nhóm với 27 ngành.
- B. 3 nhóm với 28 ngành.
- C. 3 nhóm với 29 ngành.
- D. 4 nhóm với 30 ngành.

Câu 71. Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang chuyển dịch rõ nét nhằm

- A. thích nghi với cơ chế thị trường, hội nhập khu vực, thế giới.
- B. nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- C. phát huy tiềm năng và thế mạnh của các thành phần kinh tế.
- D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm.

Câu 88. Vùng có giá trị sản xuất công nghiệp theo nhỏ nhất nước là

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng Bằng sông Hồng.
- C. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 72. Nhóm ngành có tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là

- A. khai thác.
- B. chế biến.
- C. phân phối điện, khí đốt, nước.
- D. sản xuất điện, khí đốt, nước.

Câu 73 Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế, khu vực ngoài Nhà nước gồm

- A. địa phương, trung ương.
- B. tư nhân, cá thể, tập thể.
- C. tư nhân, cá thể.
- D. cá thể, tập thể..

Câu 74. Ngành công nghiệp của nước ta được ưu tiên đi trước một bước là

- A. chế biến nông, lâm, thủy sản.
- B. sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. điện lực.
- D. khai thác dầu khí.

Câu 75. Đầu tư theo chiều sâu trong công nghiệp là

- A. đổi mới trang thiết bị và công nghệ.
- B. đẩy mạnh phát triển công nghiệp trọng điểm.
- C. thích nghi với cơ chế thị trường.
- D. chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.

Câu 76. Hướng chuyên môn hóa công nghiệp Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La là

- A. nhiệt điện.
- B. vật liệu xây dựng.
- C. cơ khí.
- D. thủy điện.

Câu 77. Một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay là

- A. hoá chất - phân bón - cao su.
- B. luyện kim.
- C. chế biến lâm sản.
- D. khai thác than.

Câu 78. Vùng nào sau đây có công nghiệp phát triển chậm, phân tán rời rạc?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 79. Vùng dẫn đầu cả nước về tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 80. Trung tâm công nghiệp có quy mô lớn và quan trọng nhất của Duyên hải miền Trung là

- A. Nha Trang.
- B. Vinh.
- C. Đà Nẵng.
- D. Quy Nhơn.

Câu 81. Ở Nam Bộ ngành công nghiệp tương đối non trẻ nhưng phát triển mạnh là

- A. dầu khí – điện – phân đạm từ khí.
- B. dầu khí – điện – luyện kim.
- C. cơ khí – điện – phân đạm từ khí.
- D. cơ khí – dầu khí – hóa chất.

Câu 82. Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta hiện nay là

- A. nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- B. nguồn nhân lực trình độ cao.
- C. vị trí địa lý, thị trường tiêu thụ.
- D. sự đồng bộ của các điều kiện.

Câu 83. Đông Nam Bộ trở thành vùng dẫn đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp nhờ:

- A. Có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước.
- B. Giàu có nhất nước về nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- C. Khai thác một cách có hiệu quả các thế mạnh vốn có.
- D. Có dân số đông, lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 84. Nhận định nào sau đây **không** phải là đặc điểm của các ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta?

- A. Có thế mạnh lâu dài.
- B. Đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- C. Thúc đẩy các ngành khác phát triển.
- D. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Câu 85. Loại khoáng sản tập trung ở khu vực Quảng Ninh với trữ lượng hơn 3 tỉ tấn là

- A. than nâu.
- B. than bùn.
- C. than antraxit.
- D. than mỡ.

Câu 86. Hai bể trầm tích có triển vọng nhất về trữ lượng và khả năng khai thác dầu khí là

- A. Cửu Long và Nam Côn Sơn.
- B. Cảnh Dương và Tri Tôn.
- C. Nam Côn Sơn và Tư Chính.
- D. Tri Tôn và Vịnh Bắc Bộ.

Câu 87. Công nghiệp năng lượng bao gồm những ngành nào?

- A. Khai thác than, dầu mỏ và khí đốt.
- B. Khai thác nguyên, nhiên liệu và sản xuất điện.
- C. Thủy điện, nhiệt điện và điện nguyên tử.
- D. Khai thác nguyên, nhiên liệu than, dầu.

Câu 88. Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc là

- A. dầu.
- B. than.
- C. gỗ.
- D. khí tự nhiên.

Câu 89. Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam là

- A. dầu và khí tự nhiên.
- B. than và dầu.
- C. gỗ, than và dầu.
- D. than và khí tự nhiên.

Câu 90. Tiềm năng thủy điện lớn nhất của nước ta tập trung chủ yếu trên

- A. hệ thống sông Mê Kông, sông Đồng Nai.
- B. hệ thống sông Xê Xan, sông Xrê Póc.
- C. hệ thống sông Mã, sông Cả.
- D. hệ thống sông Hồng, sông Đồng Nai.

Câu 91. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm bao gồm

- A. chế biến sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và thủy hải sản.
- B. chế biến các sản phẩm cây công nghiệp lâu năm.
- C. chế biến các sản phẩm từ thịt, sữa, trứng.
- D. chế biến đường mía, nước ngọt, rượu, bia.

Câu 92. Đường dây siêu cao áp 500 KV nối

- A. Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.
- B. Hoà Bình - Phú Lâm.
- C. Lạng Sơn - Cà Mau.
- D. Hoà Bình - Cà Mau.

Câu 93. Ngành chế biến sản phẩm từ cây chè được phân bố chủ yếu ở các vùng

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Câu 94. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm có cơ cấu ngành đa dạng nhờ

- A. có thị trường trong và ngoài nước rộng lớn.
- B. có nguồn lao động dồi dào, tay nghề cao.
- C. có nguồn nguyên liệu tại chỗ đa dạng.
- D. có nguồn nguyên liệu tại chỗ và thị trường rộng lớn.

Câu 95. Điểm khác nhau về nhiên liệu giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và miền Nam là

- A. các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn.
- B. miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu khí.
- C. miền Bắc nằm gần vùng nguyên liệu, miền Nam gần các thành phố.
- D. các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.

Câu 96. Đặc điểm nào sau đây không đúng về ngành khai thác dầu khí ở nước ta?

- A. Nước ta bắt đầu khai thác dầu khí từ 1986.
- B. Sản lượng từ năm 1986 đến năm 2005 tăng không liên tục.
- C. Là nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu.
- D. Phân bố chủ yếu ở thềm lục địa phía Nam.

Câu 97. Phát biểu nào sau đây không đúng về ngành công nghiệp điện lực

- A. Đang sử dụng khí tự nhiên vào sản xuất nhiệt điện.
- B. Mạng lưới điện đã thống nhất trong cả nước.
- C. Thủy điện luôn chiếm hơn 70% sản lượng điện.
- D. Sản lượng điện tăng rất nhanh.

Câu 98. Cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm thành 3 phân ngành là

- A. công dụng của sản phẩm.
- B. đặc điểm sản xuất.
- C. nguồn nguyên liệu.
- D. phân bố sản xuất.

Câu 99. Nhận định nào sau đây **không** đúng về ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A. Thúc đẩy sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.
- B. Làm cho các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản có chất lượng cao.
- C. Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

D. Đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

Câu 100. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự phân bố của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

A. Gắn với vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

B. Luôn nằm ở các vùng đồng bằng rộng lớn.

C. Tập trung ở các đô thị vừa và nhỏ.

D. Phân bố ở các vùng ven biển miền Trung.

Câu 101. Điểm công nghiệp có đặc điểm.

A. đồng nhất với một điểm dân cư.

B. khu vực có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi.

C. gắn với đô thị vừa và lớn.

D. vùng lãnh thổ rộng lớn.

Câu 102. Khu công nghiệp có đặc điểm

A. có các xí nghiệp nông công.

B. có một vài ngành công nghiệp chủ yếu.

C. sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước vừa xuất khẩu.

D. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.

Câu 103. Việc hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu là

A. tạo nhiều việc làm cho lao động, nâng cao đời sống người dân

B. thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu

C. sử dụng có hiệu quả các thế mạnh về tự nhiên và kinh tế - xã hội

D. chuyển giao công nghệ mới, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật.